

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 349/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà L Th L, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn 11, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Số 45/1, Tổ 1B, Khu phố Đồng An 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ph Đ T, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Thôn 11, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Số 29/15, khu phố Tây, phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Lan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L Th L và ông Ph Đ T tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04;

Quyển số 01 ngày 12 tháng 02 năm 2007. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lan yêu cầu được ly hôn với ông Tân.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ph Đ H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008. Khi ly hôn bà L yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L Th L không yêu cầu ông Ph Đ T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ph Đ T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L khởi kiện ông T yêu cầu ly hôn, ông T hiện đang sinh sống địa chỉ: Số 29/15, khu phố Tây, phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Ph Đ T theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông T trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng

minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nguyên đơn bà L Th L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L Th L và ông Ph Đ T tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04; Quyền số 01 ngày 12 tháng 02 năm 2007, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập ông Tân tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà L xác định bà không còn tình cảm với ông T, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lan về việc ly hôn với ông Tân.

Về con chung: Có 01 con chung tên P Đ H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008. Khi ly hôn bà L yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, cháu H còn nhỏ đang độ tuổi ăn học và có nguyện vọng muốn sống với mẹ, bà L làm nghề buôn bán tự do, có thu nhập nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con. Do đó, bà L yêu cầu giao con cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L Th L đối với bị đơn ông Ph Đ T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L Th L được ly hôn ông Ph Đ T.

- Về con chung: Giao cháu Ph Đ H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008 cho bà L Th L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L Th L không yêu cầu ông Ph Đ T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà L Th L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0053888 ngày 26 tháng 3 năm 2021 (do ông Đỗ Bá Tôn nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

